

Bản án số 171/2025/HS-PT
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân
Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Võ Ngọc Thông
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Hiền
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2025/TLPT-HS ngày 19/02/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08a/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 768/2025/QĐXXPT-HS ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Lê Văn H**; sinh ngày 10/01/1989, tại Quảng Trị; nơi thường trú: **thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: không xác định; con bà **Lê Thị D**; có vợ đã ly hôn; có 01 con, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 20/9/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Lê Văn H**: Luật sư **Trần Thị Ly L**, thuộc Văn phòng **L1, Đoàn luật sư tỉnh Q**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Giữa năm 2022, chị **Võ Thị M** (sinh năm 1998, trú tại **thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**) đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ **Lê Văn H** (anh họ **M**) tìm mua (nhận chuyển nhượng quyền sử dụng) 01 thửa đất tại **thị trấn C, H** đồng ý. Quá trình tìm hiểu, 01 người đàn ông làm nghề môi giới bất động sản (không rõ lai lịch địa chỉ) giới thiệu cho **H** thửa đất có diện tích 12mx30m, tại **Khu phố G, thị trấn C** được bán với giá 1.200.000.000đồng, **H** dẫn chị **M** đi xem hiện

trạng đất nhưng do giá cao nên chị M không mua, sau đó, chị M vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc.

Cuối tháng 7/2022, người môi giới nói với H có thể tách thửa với diện tích 6mx30m và bán giá 600.000.000đồng nên H gọi điện nói nếu chị M muốn mua thì đặt cọc và chi phí phát sinh bên mua phải chịu thì chị M đồng ý. Tuy nhiên sau đó, người môi giới lại nói không thể tách thửa để bán được nhưng H không nói lại với chị M mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền mua đất nên đã yêu cầu chị M chuyển 50.000.000đồng tiền cọc để mua đất, tin lời H ngày 01/8/2022, chị M chuyển vào tài khoản ngân hàng của H 50.000.000đồng. Ngày 02/8/2022, H nói chị M chuyển 16.500.000đồng để làm giấy tờ đất, chị M đồng ý và chuyển tiền theo yêu cầu. Từ ngày 03/8/2022 đến 08/8/2022, H nghĩ rằng nếu tiếp tục nói chị M chuyển tiền cọc đất thì sẽ bị nghi ngờ nên H 03 lần gọi điện mượn tiền và chị M đã chuyển cho H tổng số tiền 70.000.000 đồng (số tiền này H nghĩ sau này sẽ được trừ vào số tiền mua đất). Ngày 10/8/2022, H điện thoại nói chị M chuyển tiếp 100.000.000đồng tiền đặt cọc mua đất nhưng chị M chỉ đồng đặt cọc một nửa và nói H đến nhà bà Nguyễn Thị V (mẹ của M, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị) lấy 50.000.000đồng tiền mặt. Cuối tháng 8/2022 chị M về Quảng Trị, để chị M tin tưởng hơn H đưa chị M đến trụ sở Ủy ban nhân dân T và yêu cầu chị M ký vào “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” mà H đã soạn trước đó rồi yêu cầu chị M đưa 6.700.000đồng để nộp tiền nông thôn mới và thuế. Tưởng thật nên chị M đã đưa số tiền trên theo yêu cầu của H. Sau nhiều lần nhận tiền của chị M, vào cuối tháng 8 năm 2022, H đặt mua trên mạng xã hội 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (có đầy đủ thông tin của chị M và thửa đất chị M nhận chuyển nhượng) với giá 8.000.000đồng và đem về nhà cất giấu, chờ thời điểm thích hợp sẽ đưa cho chị M. Ngày 07/9/2022, H nói chị M chuyển 100.000.000đồng để làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên chị M chuyển đến số tài khoản của H 100.000.000đồng. Ngày 13/9/2022, H mua 01 sim điện thoại số 0399452931 để gọi điện cho chị M. H giả giọng nói và yêu cầu chị M nộp 4.600.000đồng tiền ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Nghe vậy, chị M gọi điện cho H để xác nhận thì H nói chị M chuyển tiền để H đi nộp nên chị M chuyển đến tài khoản của H 4.600.000đồng.

Ngày 15/9/2022, H gọi điện nói với chị M là đã có GCNQSDĐ và phải thanh toán hết số tiền mua đất còn lại cho chủ đất. Tuy nhiên chị M nói chỉ chuyển thêm 100.000.000đồng, số tiền còn lại khi nào lấy GCNQSDĐ thì mới chuyển hết. Lúc này, H nói sẽ trả cho chị M 70.000.000đồng H mượn trước đây và cho chị M mượn thêm 70.000.000đồng để trả trước cho chủ đất nên chị M đồng ý và chuyển vào tài khoản của H 100.000.000đồng. Ngày 20/9/2022, H nói chị M đưa số tiền còn lại cho H để đi lấy GCNQSDĐ nên chị M và bà V cùng đến nhà H đưa 170.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, H lấy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả bỏ trong túi hồ sơ mang theo rồi chở chị M đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Để chị M tin tưởng, H dẫn chị M vào bên trong trụ sở Văn phòng đăng ký đất đai huyện C rồi nói chị M ngồi ở hành lang đợi H đi lấy GCNQSDĐ; sau đó, H giả vờ vào bên

trong phòng làm việc rồi quay ra đưa GCNQSDĐ giả đã mang theo đưa cho chị **M**. Đến ngày 27/9/2022, **H** gọi điện nói chị **M** trả cho **H** 70.000.000đồng tiền chị **M** mượn trước đây nên từ ngày 27/9/2022 đến 17/10/2022, chị **M** đã chuyển khoản và nhờ bà **Mai Thị H1** (trú tại xã **C**, huyện **C**) đưa cho **H** tổng số tiền 60.000.000đồng.

Tổng số tiền **H** đã chiếm đoạt của chị **M** là 627.800.000đồng, **H** sử dụng để đặt GCNQSDĐ giả và tiêu xài cá nhân hết, sau khi bị chị **M** phát hiện GCNQSDĐ giả thì **H** nhiều lần hứa hẹn sẽ trả lại tiền nhưng không trả mà bỏ trốn, đến ngày 19/9/2024 thì bị bắt theo Lệnh truy nã.

Quá trình bắt người phạm tội đã thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ khi bắt người đang bị truy nã đối với **Lê Văn H**: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu xám. - Chị **Võ Thị M** giao nộp: 01 GCNQSDĐ giả số BY340615; 01 USB màu đen chứa tập tin ghi âm cuộc nói chuyện giữa **Lê Văn H** và **Võ Thị M**. Quá trình điều tra xác định, điện thoại di động hiệu IPHONE màu xám là của bà **Lê Thị D** (mẹ **H**) cho **H** mượn để sử dụng làm phương tiện liên lạc, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, ngày 06/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh **Q** đã trả điện thoại cho bà **D**; GCNQSDĐ giả và USB chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 795/KLGD-KTHS ngày 15/8/2023 của **Phòng K** Công an tỉnh, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BY340615 đứng tên **Võ Thị M** gửi đến giám định là Giấy chứng nhận giả.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị **Võ Thị M** yêu cầu **Lê Văn H** bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt là 627.800.000đồng, hiện tại **H** đã bồi thường 40.000.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08a/2025/HS-ST ngày 16/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo **Lê Văn H** phải chấp hành 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2024.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo **Lê Văn H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Văn H** giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh, khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Văn H** thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định đó là lợi dụng chị **Võ Thị M** nhờ mua giúp 01 thửa đất, trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2022, **Lê Văn H** đưa ra thông tin gian dối về việc tìm được người chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu chị **M** giao tiền để **H** làm giúp thủ tục nhận chuyển nhượng, rồi đặt mua qua mạng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sử dụng để chiếm đoạt của chị **M** 627.800.000 đồng. Vì **Lê Văn H** thực hiện hành vi phạm tội trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố cáo **Lê Văn H** phạm vào “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **Lê Văn H**, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy bị cáo **H** thực hiện hành vi là đảo chiếm đoạt tiền của bị hại nhiều lần, mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ sau khi bị bắt theo lệnh truy nã, tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có thái độ “thành khẩn khai báo”, đã “tự nguyện bồi thường” cho bị hại 40.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét, “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ, đã xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 13 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ba năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là mức khởi điểm của “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và nhỉnh hơn 01 năm tù với khởi điểm của “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08a/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 13 (mười ba) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 03 (Ba) năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo **Lê Văn H** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2024.

Bị cáo **Lê Văn H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HSVA, Phòng HC-TP, Phòng Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân